

Số: 137 /TB-CL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2012

THÔNG BÁO

Về việc cung cấp thông tin định kỳ
Báo cáo tài chính năm 2011 đã kiểm toán.

Kính gửi: Cơ quan Đại diện Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tại Tp.HCM.
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Tên giao dịch: Cat Loi Joint Stock Company

Trụ sở chính: 934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P.Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp. HCM.

Điện thoại: (08) 37421118 fax:(08) 37420923 Website: www.catloi.com.vn

Xin thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, Ủy ban Chứng khoán nhà nước các thông tin báo cáo định kỳ như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2011 đã kiểm toán (đính kèm).
- Bảng số liệu chênh lệch giữa báo cáo tài chính năm 2011 đã kiểm toán và báo cáo tài chính quý 4/2011 của Công ty trước kiểm toán.
- Toàn văn Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính để đăng báo (đính kèm).

Chúng tôi cam kết những thông tin trên là hoàn toàn chính xác và trung thực. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (2);
- HĐQT; BKS;
- TCKT;
- KHVT-XNK;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



BÙI TẤN HOÀ

THÔNG BÁO
TOÀN VĂN BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo Tài chính năm của Công ty Cổ Phần Cát Lợi
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
Mã chứng khoán: CLC.
Trụ sở chính: 934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp. HCM.
Điện thoại: (08) 37421118 fax: (08) 37420923 Website: www.catloi.com.vn

Xin trân trọng thông báo tới quý cổ đông, các nhà đầu tư toàn văn Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ Phần Cát Lợi như sau:

1. Toàn văn Báo cáo kiểm toán:

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ Phần Cát Lợi

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tô Thị Thanh Nga
Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Phan Thanh Điền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1496/KTV

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



2. **Nội dung Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ Phần Cát Lợi:** Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư tham khảo tại Website của Công ty Cổ Phần Cát Lợi: www.catloi.com.vn.

Trân trọng./.

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2012

GIÁM ĐỐC



BÙI TẤN HÒA





CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

0207
CH
CH
CH V
V
1/2

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Kim Anh
Ông Phan Văn Tạo
Ông Bùi Tấn Hòa
Ông Nguyễn Duy Khánh
Ông Cù Mạnh Đạt
Ông Trương Bình An Sơn

Chủ tịch - bổ nhiệm từ ngày 25/03/2011
Chủ tịch - miễn nhiệm từ ngày 25/03/2011
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Thu Lan
Ông Nguyễn Văn Đạo
Bà Trịnh Thanh Huyền

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tấn Hòa
Ông Nguyễn Đức Hanh
Ông Nguyễn Hoàng Minh

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc từ ngày 01/05/2011

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Bùi Tấn Hòa
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Tô Thị Thanh Nga
Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

T.p. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Phan Thanh Điền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1496/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		540.187.256.456	552.462.069.291
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	85.676.880.234	67.484.438.480
Tiền	111		85.676.880.234	67.484.438.480
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.190.047.600	1.900.076.000
Đầu tư ngắn hạn	121		2.550.102.000	2.550.102.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1.360.054.400)	(650.026.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.781.513.227	191.768.675.947
Phải thu khách hàng	131		177.801.956.742	190.154.828.972
Trả trước cho người bán	132		1.973.805.662	1.326.282.816
Các khoản phải thu khác	135		5.750.823	287.564.159
Hàng tồn kho	140		244.564.037.563	286.336.486.362
Hàng tồn kho	141	6	244.564.037.563	286.336.486.362
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.974.777.832	4.972.392.502
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.889.288	103.794.711
Thuế GTGT được khấu trừ	152	7	3.576.259.740	4.851.807.004
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	25.330.628.804	16.790.787
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.981.165.407	50.384.305.277
Tài sản cố định	220		66.460.571.989	30.134.305.277
Tài sản cố định hữu hình	221	9	57.732.072.646	15.334.259.059
- Nguyên giá	222		410.328.646.296	339.894.505.923
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(352.596.573.650)	(324.560.246.864)
Tài sản cố định vô hình	227	10	7.761.437.813	8.119.112.870
- Nguyên giá	228		15.525.212.589	15.525.212.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.763.774.776)	(7.406.099.719)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	967.061.530	6.680.933.348
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	18.590.308.157	20.250.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		20.250.000.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.659.691.843)	-
Tài sản dài hạn khác	260		930.285.261	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		930.285.261	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		626.168.421.863	602.846.374.568

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		399.570.338.855	401.265.565.327
Nợ ngắn hạn	310		399.183.459.903	401.016.487.615
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	276.759.895.258	316.110.938.693
Phải trả người bán	312		98.413.458.087	67.316.189.156
Người mua trả tiền trước	313		241.339.069	237.342.372
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	13.058.803.195	10.014.639.333
Phải trả người lao động	315		6.618.058.372	4.762.054.647
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	2.233.507.144	1.101.416.400
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.858.398.778	1.473.907.014
Nợ dài hạn	330		386.878.952	249.077.712
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		386.878.952	249.077.712
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.598.083.008	201.580.809.241
Vốn chủ sở hữu	410	16	226.598.083.008	201.580.809.241
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(653.604.578)	5.801.550.793
Quỹ đầu tư phát triển	417		19.738.135.663	13.925.517.125
Quỹ dự phòng tài chính	418		16.791.232.270	12.504.408.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		59.684.019.653	38.311.033.053
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		626.168.421.863	602.846.374.568

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			611.541.038	1.019.400.000
Ngoại tệ các loại				
- USD			2.060.245,81	358.290,02
- EUR			78,71	0,75

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trương Bình An Sơn



Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.526.330.133.186	1.215.654.663.994
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.526.330.133.186	1.215.654.663.994
Giá vốn hàng bán	11	18	1.360.001.417.272	1.084.457.710.908
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166.328.715.914	131.196.953.086
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7.757.795.307	2.574.663.199
Chi phí tài chính	22	20	68.349.230.872	57.434.604.144
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.673.826.220	26.011.746.404
Chi phí bán hàng	24	21	22.170.616.552	16.346.722.843
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	19.291.870.113	13.991.572.814
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.274.793.684	45.998.716.484
Thu nhập khác	31		1.129.961.893	594.365.368
Chi phí khác	32		3.192.207	42.102.698
Lợi nhuận khác	40		1.126.769.686	552.262.670
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.401.563.370	46.550.979.154
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	6.235.701.493	3.682.738.680
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(930.285.261)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.096.147.138	42.868.240.474
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	4.586	3.271

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		65.401.563.370	46.550.979.154
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		28.448.494.843	25.137.746.032
Các khoản dự phòng	3		2.369.720.243	(200.008.000)
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(913.768.827)	-
Lãi hoạt động đầu tư	5		(1.435.481.541)	(2.396.285.538)
Chi phí lãi vay	6		35.673.826.220	26.011.746.404
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		129.544.354.308	95.104.178.052
Tăng giảm các khoản phải thu	9		13.284.972.767	(56.761.086.376)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		41.772.448.799	(61.298.108.966)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		31.382.018.088	9.030.048.467
Tăng giảm chi phí trả trước	12		35.905.423	(85.511.421)
Tiền lãi vay đã trả	13		(35.673.826.220)	(26.011.746.404)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.018.841.920)	(3.481.774.975)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		637.967.896	5.930.593.725
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(26.373.442.512)	(5.482.970.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		149.591.556.629	(43.056.378.540)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(64.774.761.555)	(10.874.437.276)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.454.545	156.363.636
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.430.026.996	2.239.921.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(63.339.280.014)	(8.478.151.738)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.070.974.646.039	1.044.880.828.713
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.115.447.686.900)	(931.007.822.300)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.586.794.000)	(32.767.147.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(68.059.834.861)	81.105.858.513
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.192.441.754	29.571.328.235
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	67.484.438.480	37.913.110.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	85.676.880.234	67.484.438.480

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng 



Trương Bình An Sơn

Giám đốc


Bùi Tấn Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/08/2008 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 đồng chia thành 13.103.830 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó: Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 6.683.040 cổ phần tương ứng 66.830.400.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 6.420.790 cổ phần tương ứng 64.207.900.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, Công ty đã chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	3 - 7
- Phương tiện vận tải	3
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Trong năm, Công ty áp dụng thời gian khấu hao máy ATN6 9 màu với nguyên giá 69.461.299.463 đồng trong 12 tháng (1năm) nhanh hơn gấp 3,4 lần so với thời gian khấu hao qui định trong Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, tương ứng thời gian khấu hao nhanh hơn là 3,5 năm. Theo đó chi phí khấu hao trong năm 2011 tăng tương ứng là 12.403.803.477 đồng.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính là phần mềm diệt virus với nguyên giá 22.605.000đ được khấu hao trong 1,5 năm.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI ĐANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phân ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Cụ thể, đối với các khoản đầu tư chứng khoán, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với chứng khoán đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt, Công ty trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt năm 2011 chưa được kiểm toán.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể:

- Đối với các sản phẩm, dịch vụ đã nghiệm thu, quyết toán toàn bộ khối lượng hoàn thành, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản quyết toán, bàn giao sản phẩm hoàn thành được bên A chấp nhận.
- Đối với các sản phẩm, dịch vụ hoàn thành theo giai đoạn, doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ bên A thực thanh toán và Công ty đã phát hành hoá đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với doanh thu ghi nhận.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.12 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 18/2011/TT-BTC về hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 18/2011/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo quy định của chuẩn mực này, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh. Nếu áp dụng chuẩn mực này, chi phí tài chính sẽ tăng lên là 653.604.578 đồng.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 15%, 20% và 25% tính trên thu nhập chịu thuế cho từng hoạt động chịu thuế theo Nghị định 152/2004/NĐ-CP Ngày 06/08/2004 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính Phủ, quy định đối với cơ sở sản xuất hoặc dịch vụ mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp.

Theo Công văn số 11086/BTC-CST ngày 11/09/2006, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến năm 2015.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3. THUẾ (TIẾP)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2-0
ÁN
TY
HỒ
M
VẮ
Y
D

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tiền mặt	88.244.500	82.698.100
Tiền gửi ngân hàng	85.588.635.734	67.401.740.380
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	85.676.880.234	67.484.438.480

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2011		Tại 01/01/2011	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
<i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>				2.550.102.000
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất dầu khí (Đạm Phú Mỹ)	50.002	2.550.102.000	50.002	2.550.102.000
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</i>		(1.360.054.400)		(650.026.000)
Cộng		1.190.047.600		1.900.076.000

6. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.289.211.412
Nguyên liệu, vật liệu	213.114.960.469	256.712.123.828
Công cụ, dụng cụ	44.395.833	21.683.224
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.097.446.502	3.789.788.684
Thành phẩm	22.307.234.759	24.523.679.214
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	244.564.037.563	286.336.486.362

7. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Là thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tạm ứng của nhân viên	217.054.404	6.790.787
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.113.574.400	10.000.000
Cộng	25.330.628.804	16.790.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quân lý VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	28.220.327.967	302.157.948.344	6.498.891.604	3.017.338.008	339.894.505.923
- Mua trong năm	-	70.136.179.663	-	352.453.710	70.488.633.373
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(54.493.000)	(54.493.000)
Tại ngày 31/12/2011	28.220.327.967	372.294.128.007	6.498.891.604	3.315.298.718	410.328.646.296
HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	24.868.052.785	291.413.179.519	5.346.880.617	2.932.133.943	324.560.246.864
- Khấu hao trong năm	468.159.002	26.994.883.686	499.434.274	128.342.824	28.090.819.786
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(54.493.000)	(54.493.000)
Tại ngày 31/12/2011	25.336.211.787	318.408.063.205	5.846.314.891	3.005.983.767	352.596.573.650
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	3.352.275.182	10.744.768.825	1.152.010.987	85.204.065	15.334.259.059
Tại ngày 31/12/2011	2.884.116.180	53.886.064.802	652.576.713	309.314.951	57.732.072.646
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là:					325.341.775.689
Nguyên giá tài sản cố định dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2011 là:					168.022.611.098
Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2011 là:					10.475.658.722

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	15.502.607.589	22.605.000	15.525.212.589
Tại ngày 31/12/2011	15.502.607.589	22.605.000	15.525.212.589
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	7.391.029.720	15.069.999	7.406.099.719
- Khấu hao trong năm	350.140.056	7.535.001	357.675.057
Tại ngày 31/12/2011	7.741.169.776	22.605.000	7.763.774.776
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	8.111.577.869	7.535.001	8.119.112.870
Tại ngày 31/12/2011	7.761.437.813	-	7.761.437.813

Giá trị còn lại của tài cố định vô hình dùng thể chấp, cầm cố vay ngân hàng tại ngày 31/12/2011 là: 7.761.437.813 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Là chi phí đầu tư mua sắm phần mềm.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011		Tại 01/01/2011	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		20.250.000.000		20.250.000.000
Đầu tư cổ phiếu				
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	2.025.000	20.250.000.000	2.025.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	2.025.000	(1.659.691.843)	-	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	2.025.000	(1.659.691.843)	-	-
Cộng		18.590.308.157		20.250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ	15.000.000.000	46.409.095.220
Vay ngắn hạn Ngân hàng VID Puplic	42.058.090.164	86.222.503.336
Vay ngắn hạn Ngân hàng China Trust	26.580.981.443	31.987.432.502
Vay ngắn hạn ngân hàng Quốc tế	13.270.219.662	26.500.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	114.750.603.989	124.991.907.635
Vay ngắn hạn Ngân hàng Hong Leong	65.100.000.000	-
Cộng	276.759.895.258	316.110.938.693

CHI TIẾT VAY NGẮN HẠN BẰNG NGOẠI TỆ

	USD	Tại 31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	6.177.256,35	128.659.895.258
Vay ngắn hạn Ngân hàng VID Puplic	2.019.305,27	42.058.090.164
Vay ngắn hạn Ngân hàng China Trust	1.276.213,82	26.580.981.443
Vay ngắn hạn ngân hàng Quốc tế	637.133,65	13.270.219.662
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	2.244.603,61	46.750.603.989

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Thuế GTGT	7.185.074.024	6.755.534.248
Thuế xuất, nhập khẩu	2.991.387.448	2.078.825.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.109.838.044	892.978.471
Thuế thu nhập cá nhân	772.503.679	287.301.414
Cộng	13.058.803.195	10.014.639.333

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	68.607.019	49.218.469
Bảo hiểm xã hội	141.930	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	361.000.000	321.446.400
Tạm thu về thuế TNCN	1.024.368.262	-
Vay mượn tạm thời	67.375.000	-
Cổ tức phải trả	100.000	-
Trích trước chi phí lãi vay	456.715.634	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	255.199.299	730.751.531
Cộng	2.233.507.144	1.101.416.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Góp vốn theo Giấy chứng nhận kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2011	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51%	66.830.400.000	51%	66.830.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,4%	8.362.700.000	6,4%	8.362.700.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,1%	5.338.040.000	4,1%	5.338.040.000
Cổ đông khác	38,5%	50.507.160.000	38,5%	50.507.160.000
Cộng	100%	131.038.300.000	100%	131.038.300.000

16.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.103.830	13.103.830
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16.3 CỔ TỨC

Trong giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, Công ty trả cổ tức đợt 2 năm 2010 là 8%/mệnh giá bằng tiền mặt với số tiền 10.483.064.000 đồng. Năm 2011, Công ty tạm ứng cổ tức bằng 10% vốn điều lệ với số tiền 13.103.830.000 đồng.

16.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
- Quỹ đầu tư phát triển :	19.738.135.663	13.925.517.125
+ Quỹ đầu tư phát triển	10.799.936.663	7.130.730.125
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	8.938.199.000	6.794.787.000
- Quỹ dự phòng tài chính	16.791.232.270	12.504.408.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****16.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010						
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.038.300.000	1.164.550.736	7.470.515.886	7.428.835.270	43.770.728.818	190.872.930.710
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	42.868.240.474	42.868.240.474
Trích các quỹ	-	-	6.455.001.239	5.075.573.000	(15.568.361.239)	(4.037.787.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm 2009	-	(1.164.550.736)	-	-	-	(1.164.550.736)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	5.801.550.793	-	-	-	5.801.550.793
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 và tạm chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(32.759.575.000)	(32.759.575.000)
Tại ngày 31/12/2010	131.038.300.000	5.801.550.793	13.925.517.125	12.504.408.270	38.311.033.053	201.580.809.241
Tại ngày 01/01/2011	131.038.300.000	5.801.550.793	13.925.517.125	12.504.408.270	38.311.033.053	201.580.809.241
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	60.096.147.138	60.096.147.138
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2010	-	-	5.812.618.538	4.286.824.000	(10.099.442.538)	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm 2010	-	(5.801.550.793)	-	-	-	(5.801.550.793)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	(653.604.578)	-	-	-	(653.604.578)
Trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	(3.536.824.000)	(3.536.824.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
(*)	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức còn lại năm 2010	-	-	-	-	(23.586.894.000)	(23.586.894.000)
Tại ngày 31/12/2011	131.038.300.000	(653.604.578)	19.738.135.663	16.791.232.270	59.684.019.653	226.598.083.008

- Công ty trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 162/NQ-CL ngày 25/03/2011

- (*): Tạm trích 1,5 tỷ Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết HĐQT số 634/NQ-CL ngày 04/10/2011 của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.526.330.133.186	1.215.654.663.994
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.481.333.245.368	1.196.805.114.643
Doanh thu bán vật tư	22.052.079.468	1.343.873.195
Doanh thu gia công, chế biến	5.681.235.755	6.355.666.230
Doanh thu phế liệu thu hồi	16.317.551.373	10.203.722.247
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	946.021.222	946.287.679

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của thành phẩm	1.317.721.885.757	1.068.409.973.139
Giá vốn của vật tư	21.093.236.337	1.225.711.882
Giá vốn gia công chế biến	3.903.955.365	3.620.912.406
Giá vốn phế liệu thu hồi	16.317.551.373	10.203.722.247
Giá vốn của dịch vụ khác	946.021.222	946.287.679
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	18.767.218	51.103.555
Cộng	1.360.001.417.272	1.084.457.710.908

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.330.116.357	909.917.302
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.004.000	1.330.004.600
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	5.397.073.177	334.741.297
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	930.601.773	-
Cộng	7.757.795.307	2.574.663.199

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	35.673.826.220	26.011.746.404
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.832.946	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.288.851.463	31.622.865.740
Dự phòng đầu tư dài hạn	1.659.691.843	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	710.028.400	(200.008.000)
Cộng	68.349.230.872	57.434.604.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.423.634.732	14.414.907.678
Chi phí khác bằng tiền	1.746.981.820	1.931.815.165
Cộng	22.170.616.552	16.346.722.843

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.228.588.773	5.153.804.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.726.718	718.074.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	753.384.479	637.170.254
Chi phí khác bằng tiền	10.624.170.143	7.482.523.445
Cộng	19.291.870.113	13.991.572.814

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.096.147.138	42.868.240.474
Số điều chỉnh tăng	-	-
Số điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	60.096.147.138	42.868.240.474
Số cổ phiếu bình quân	13.103.830	13.103.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.586	3.271

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.401.563.370
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	15.013.595.161
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.113.599.161
- Các khoản điều chỉnh giảm	100.004.000
Tổng thu nhập chịu thuế (*)	80.415.158.531
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	12.180.947.889
Thuế TNDN được giảm trong kỳ	5.945.246.396
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.235.701.493

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)**(*) TỔNG THU NHẬP CHỊU THUẾ**

	Hoạt động chịu mức thuế suất thuế TNDN 15% VND	Hoạt động chịu mức thuế suất thuế TNDN 20% VND	Hoạt động chịu mức thuế suất thuế TNDN 25% VND	Tổng cộng VND
Thu nhập tính thuế	79.203.496.734	49.841.410	1.161.820.387	80.415.158.531
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	20%	25%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	11.880.524.510	9.968.282	290.455.097	12.180.947.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	5.940.262.255	4.984.141	-	5.945.246.396
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.940.262.255	4.984.141	290.455.097	6.235.701.493

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

Là khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với chi phí khấu hao nhanh hơn gấp 3,4 lần so với thời gian khấu hao qui định trong Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, tương ứng thời gian khấu hao nhanh hơn là 3,5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**26.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tập đoàn. Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan		1.328.661.873.864
Công ty Thuốc lá An Giang	Thành viên với Công ty mẹ	5.454.085.666
Công ty Thuốc lá Bến Tre	Thành viên với Công ty mẹ	13.644.214.305
Công ty Thuốc lá Cửu Long	Thành viên với Công ty mẹ	15.103.748.468
Công ty Thuốc lá Đồng Tháp	Thành viên với Công ty mẹ	17.941.488.011
Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	Thành viên với Công ty mẹ	39.663.035.940
Công ty Thuốc Lá Long An	Thành viên với Công ty mẹ	25.043.160.808
Công ty Thuốc Lá Sài Gòn	Thành viên với Công ty mẹ	47.151.050.216
Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	Thành viên với Công ty mẹ	776.503.630.506
Công ty Thuốc lá Thăng Long	Thành viên với Công ty mẹ	36.229.770.076
Công ty Thuốc lá Hải Phòng	Thành viên với Công ty mẹ	332.593.991.334
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	Thành viên với Công ty mẹ	19.291.599.798
Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam	Công ty mẹ	42.098.736

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Các khoản phải thu		
Phải thu khách hàng	152.698.905.556	172.653.390.970
Công ty Thuốc lá An Giang	430.110.560	815.226.029
Công ty Thuốc lá Bến Tre	3.645.474.030	979.474.947
Công ty Thuốc lá Cửu Long	2.779.546.286	718.531.000
Công ty Thuốc lá Đồng Tháp	3.882.806.976	5.664.328.624
Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	9.307.186.970	3.777.847.432
Công ty Thuốc Lá Long An	10.157.880.337	7.874.944.390
Công ty Thuốc Lá Sài Gòn	79.150.919.323	110.571.491.351
Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	6.251.456.291	6.611.412.896
Công ty Thuốc lá Thăng Long	37.093.524.783	35.640.134.301
Các khoản phải trả		
Phải trả người bán	25.796.924.851	9.675.268.162
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	24.250.023.445	8.835.522.148
Công ty Thương mại Miền Nam	1.546.901.406	839.746.014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trương Bình An Sơn



Bùi Tấn Hòa

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
Địa chỉ: 934D2 đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

THUYẾT MINH CÁC KHOẢN CHÈNH LỆCH SAU KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước khi kiểm toán	Số điều chỉnh theo kiểm toán	Chênh lệch	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4-3</i>	
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :					
A. TÀI SẢN					
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	(1.659.691.843)	(1.659.691.843)	(1)
B. NGUỒN VỐN					
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13.124.399.638	13.058.803.195	(65.596.443)	(4)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	276.997.195	(653.604.578)	(930.601.773)	(2)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	60.347.513.280	59.684.019.653	(663.493.627)	(5)
II. BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH :					
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.827.193.534	7.757.795.307	930.601.773	(2)
- Chi phí tài chính	22	66.689.539.029	68.349.230.872	1.659.691.843	(1)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	65.003.883.754	64.274.793.684	(729.090.070)	(3)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	66.130.653.440	65.401.563.370	(729.090.070)	(3)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.301.297.936	6.235.701.493	(65.596.443)	(4)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	60.759.640.765	60.096.147.138	(663.493.627)	(5)
III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ :					
- Các khoản dự phòng	03	710.028.400	2.369.720.243	1.659.691.843	(1)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	16.832.946	(913.768.827)	(930.601.773)	(2)

Ghi chú :

(1) : Trích dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn làm tăng chi phí tài chính.

(2) : Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá vay ngắn hạn cuối kỳ.

(3)+(4)+(5) : Do giảm lợi nhuận nên giảm thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế.

Kế toán trưởng

Trương Bình An Sơn

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Giám đốc



Bùi Tấn Hoà